AASC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 60

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 • Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Member of msi Global Alliance
Independent Legal & Accounting Firms

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 60

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Công Trình Giao Thông 60 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công Trình Giao Thông 60 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425719 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 48.351.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 20C Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận 5, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là 406.310.868 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 412.971.287 VND.)
- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2015 là 724.073.717 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014 là 801.272.849 VND.)

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ , BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông	Kiều Ngọc Cầu	Chủ tịch
Ông	Phan Hoài Hiệp	Thành viên
Ông	Nguyễn Như Xuân	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông	Trần Đình Thắng	Tổng Giám đốc
Ông	Dương Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Văn Sách	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Đình Thiện	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông	Ngô Anh Thủy	Trưởng Ban
Bà	Phùng Bạch Ngọc	Thành viên
Ông	Nguyễn Nhân Hà	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0300425719 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 60 - QUẬN 5 - TP HỒ CHÍ MINH

Trần Đình Thắng

Số : ...../BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **- Cổ đông Công ty CP Công Trình Giao Thông 60**

- Hội đồng Quản trị Công ty CP Công Trình Giao Thông 60

- Ban Giám đốc Công ty CP Công Trình Giao Thông 60

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Công Trình Giao Thông 60 được lập ngày 15/02/2016 từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Công ty thực hiện ghi nhận giá vốn ước tính theo doanh thu thực tế đã ghi nhận trong năm từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154). Tuy nhiên, việc kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí thực tế phát sinh cho từng công trình Công ty chưa thực hiện do các công trình nằm ở nhiều địa phương khác nhau. Với những tài liệu tại thời điểm kiểm toán chúng tôi cũng không thể ước tính được giá vốn cũng như số dư về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154) của đơn vị. Số liệu về giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chúng tôi ghi nhận theo số liệu phát sinh trên sổ kế toán của đơn vị cung cấp.

2. Công ty chưa phân loại, đối chiếu, đánh giá để lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu, số liệu về các khoản công nợ phải thu, phải trả chúng tôi ghi nhận theo số liệu của đơn vị

3. Đối với khoản lợi thế kinh doanh Công ty cũng chưa thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh, khoản mục này chúng tôi cũng ghi nhận theo đúng với số dư liệu của đơn vị

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Công Trình Giao Thông 60 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc

LÊ VĂN TUẤN
Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG
Số Giấy CN ĐKHN KT: 0974-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**32.283.366.041**	**35.378.911.878**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**245.940.446**	**1.633.072.669**
1. Tiền	111		245.940.446	1.633.072.669
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.817.614.426**	**14.653.921.734**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.394.259.070	6.706.702.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.599.027.425	2.409.967.213
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	4.824.327.931	5.537.251.681
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.4	**20.219.811.169**	**19.028.363.810**
1. Hàng tồn kho	141		20.219.811.169	19.028.363.810
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**			**63.553.665**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			50.233.081
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8		13.320.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**28.861.497.643**	**29.517.118.916**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	**220**		**3.634.827.039**	**4.907.226.312**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	3.634.827.039	4.907.226.312
- Nguyên giá	222		39.287.699.764	41.927.699.764
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(35.652.872.725)	(37.020.473.452)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	**230**			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**			
1. Chi phí sản suất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**25.226.670.604**	**24.609.892.604**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	25.226.670.604	24.609.892.604
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**61.144.863.684**	**64.896.030.794**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.069.789.967**	**15.743.757.945**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.069.789.967**	**15.743.757.945**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	3.279.019.398	4.845.887.326
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.644.116.433	2.644.116.433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	1.904.663.914	1.199.678.266
4. Phải trả người lao động	314		599.475.570	1.799.749.212
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	709.132.958	1.137.737.115
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	3.918.381.694	4.101.589.593
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.000.000	15.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	**330**			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**49.075.073.717**	**49.152.272.849**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.11	**49.075.073.717**	**49.152.272.849**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.351.000.000	48.351.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.351.000.000	48.351.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ xắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		724.073.717	801.272.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		317.762.849	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		406.310.868	801.272.849
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**61.144.863.684**	**64.896.030.794**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Ngọc	Nguyễn Đình Thiện	Hoàn Đình Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	33.001.309.872	29.243.069.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.001.309.872	29.243.069.981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	30.027.640.378	25.457.622.579
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.973.669.494	3.785.447.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.245.014	4.629.795
7. Chi phí tài chính	22			
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.560.198.173	3.276.514.826
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		415.716.335	513.562.371
11. Thu nhập khác	31	VI.5	105.195.033	2.651.737
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		105.195.033	2.651.737
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		520.911.368	516.214.108
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	114.600.500	103.242.821
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		406.310.868	412.971.287
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	84	85
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Ngọc	Nguyễn Đình Thiện	Trần Đình Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**520.911.368**	**516.214.108**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		800.970.697	1.111.876.208
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(107.439.817)	(4.629.795)
- Chi phí lãi vay	06			
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**1.214.442.248**	**1.623.460.521**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.886.540.389	4.095.470.949
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.191.447.359)	(10.332.144.456)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.303.819.318)	5.184.284.374
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(616.778.000)	120.244.074
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(1.011.062.040)***	***691.315.462***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		105.194.803	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.245.014	4.629.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		*107.439.817*	*4.629.795*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(483.510.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(483.510.000)***	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(1.387.132.223)**	**695.945.257**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.633.072.669**	**937.127.412**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**245.940.446**	**1.633.072.669**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Ngọc	Nguyễn Đình Thiện	Trần Đình Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Công Trình Giao Thông 60 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300425719 ngày 29 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 48.351.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 20C Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận 5, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, được áp dụng từ ngày 01/01/2015.

Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014. Chi tiết xem thuyết minh VIII.5

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển... hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

Đánh giá lại cuối kỳ: Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Không đánh giá lại các khoản trả trước cho người bán và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ, trừ rường hợp tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ và doanh nghiệp sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

Phương tính giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
-	Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
-	Phương tiện vận tải	04 - 20 năm
-	Thiết bị văn phòng	Hết khấu hao

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý và nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Các chi phí trả trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	**31.884.661**	**364.808.568**
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	**214.055.785**	**1.268.264.101**
TGNH ĐTPT - Tp.HCM	*19.783.857*	*19.783.857*
TGNH ĐTPT - SGD2 (CN Gia Định)	*166.585*	*166.585*
TGNH Công thương VN - CN 1	*36.695.438*	*159.820.438*
TGNH NN&PTNT VN CN Sài Gòn	*779.479*	*10.779.479*
TGNH NN&PTNT VN CN Bình Thạnh	*2.707.310*	*2.707.310*
TGNH Công Thương Việt Nam - CN10	*23.562.426*	*166.705.793*
TGNH Công Thương Việt Nam - CN8	*130.360.690*	*908.300.639*
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng	**245.940.446**	**1.633.072.669**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Chi tiết số dư như sau:		
+ Cầu Dừa - Quận 4	*477.530.000*	*477.530.000*
+ Cầu Vàm Sát	*223.391.000*	*223.391.000*
+ Cầu trung tâm lấn biển - Kiên Giang		*364.590.000*
+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC Phú Gia	*1.704.729.000*	*1.704.729.000*
+ Các đối tượng khác	*2.988.609.070*	*3.936.462.840*
Tổng cộng	**5.394.259.070**	**6.706.702.840**

3 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác		
- Ký cược, ký quỹ	77.535.000	140.381.400
- Tạm ứng cá nhân	357.968.658	1.210.933.622
- Bảo hiểm xã hội	202.887.614	
- Phải thu khác	4.185.936.659	4.185.936.659
Chi tiết số dư như sau:		
Phải thu khác (Các nhân viên đã nghỉ việc)	*4.085.936.659*	*4.085.936.659*
Đặt cọc mua đất (Số dư nợ TK 3388)	*100.000.000*	*100.000.000*
Tổng cộng	**4.824.327.931**	**5.537.251.681**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	161.184.114		161.184.114	
- Công cụ, dụng cụ	5.884.965		5.884.965	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.052.742.090		18.861.294.731	
- Thành phẩm				
- Hàng hóa				
- Hàng hóa gửi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Tổng cộng	**20.219.811.169**		**19.028.363.810**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ Khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	**2.867.110.750**	**19.499.431.363**	**19.359.057.651**	**92.100.000**	**110.000.000**	**41.927.699.764**
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
3. Số giảm trong năm			**2.640.000.000**			**2.640.000.000**
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			2.640.000.000			2.640.000.000
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**2.867.110.750**	**19.499.431.363**	**16.719.057.651**	**92.100.000**	**110.000.000**	**39.287.699.764**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**2.462.418.250**	**17.335.217.538**	**17.020.737.664**	**92.100.000**	**110.000.000**	**37.020.473.452**
2. Khấu hao trong năm	**134.897.500**	**480.761.357**	**185.311.840**			**800.970.697**
- Khấu hao tăng trong năm	134.897.500	480.761.357	185.311.840			800.970.697
3. Giảm trong năm			**2.168.571.424**			**2.168.571.424**
- Thanh lý, nhượng bán			2.168.571.424			2.168.571.424
4. Số dư cuối năm	**2.597.315.750**	**17.815.978.895**	**15.037.478.080**	**92.100.000**	**110.000.000**	**35.652.872.725**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	**404.692.500**	**2.164.213.825**	**2.338.319.987**			**4.907.226.312**
2. Tại ngày cuối năm	**269.795.000**	**1.683.452.468**	**1.681.579.571**			**3.634.827.039**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí trả trước dài hạn	25.226.670.604	24.609.892.604
- Giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	23.880.626.121	23.880.626.121
- Chi phí khác	1.346.044.483	729.266.483
Tổng cộng	**25.226.670.604**	**24.609.892.604**

Ghi chú:

Khoản giá trị lợi thế thương mại đang treo trên tài khoản 242 "chi phí trả trước dài hạn" phát sinh từ việc Cổ phần hóa Công ty nhà nước chuyển qua. Hiện tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 60 chưa thực hiện việc phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh là do diện tích đất 3.553 M2 được dùng để đánh giá lợi thế kinh doanh chưa được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất. Mặt khác diện tích đất trên hiện tại Công ty không dùng sử dụng vào mục đích chính để hoạt động kinh doanh nên Công ty không tiến hành phân bổ lợi thế kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

7 . PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
Ngắn hạn:	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Chi tiết số dư như sau				
CN. Công ty TNHH XD SX TM &DV Phúc Thịnh	*275.480.000*	*275.480.000*	*275.480.000*	*275.480.000*
Công ty TNHH XD VTTM Mai Phan	*717.004.600*	*717.004.600*	*717.004.600*	*717.004.600*
Công ty cổ phần Cơ Khí Xây Dựng Công Trình 623 Bình Dương			*105.884.885*	*105.884.885*
Công ty CP XNK & XDCT (Tranimexco)	*204.676.283*	*204.676.283*	*204.676.283*	*204.676.283*
Công ty TNHH TM Quốc tế Tân Đại Tây Dương			*246.758.520*	*246.758.520*
Công ty TNHH Trường Thịnh			*368.400.000*	*368.400.000*
Công ty TNHH XDDV TM Tấn Thành	*280.500.000*	*280.500.000*	*280.500.000*	*280.500.000*
Công ty TNHH Điện cơ Hoàng Triều	*55.285.700*	*55.285.700*	*385.437.700*	*385.437.700*
Công ty Xây lắp - Tổng Công ty Xây dựng số 1	*240.820.760*	*240.820.760*	*240.820.760*	*240.820.760*
Doanh nghiệp Tư nhân Vận tải Hoàng Phương	251.755.800	*251.755.800*	456.000.000	*456.000.000*
Khác	1.253.496.255	*1.253.496.255*	1.564.924.578	*1.564.924.578*
Tổng cộng	**3.279.019.398**	**3.279.019.398**	**4.845.887.326**	**4.845.887.326**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải nộp*	*Phải nộp*	*Đã nộp*	*Phải thu*	*Phải nộp*
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		1.012.602.822	739.685.771	123.610.409		1.628.678.184
Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
Thuế xuất nhập khẩu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.320.584		114.600.500			101.279.916
Thuế thu nhập cá nhân		187.075.444	287.630.370	300.000.000		174.705.814
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất, tiền thuê đất						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			3.000.000	3.000.000		
Tổng cộng	**13.320.584**	**1.199.678.266**	**1.144.916.641**	**426.610.409**		**1.904.663.914**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

9 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Các khoản trích trước	709.132.958	1.137.737.115
Tổng cộng	**709.132.958**	**1.137.737.115**

Ghi chú:

(*) Đây là khoản chi phí thực tế đã phát sinh, tương ứng với doanh thu đã ghi nhận trong năm. Đơn vị thực hiện trích trước vào chi phí căn cứ vào đơn giá khoán và khối lượng đã hoàn thành của công trình.

10 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội		8.134.128
Kinh phí công đoàn	82.530.718	104.379.298
Bảo hiểm thất nghiệp		41.728.992
Tiền thuê nhà-Cty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà	1.547.521.602	1.547.521.602
Ban quản lý nhà Gò Vấp	1.033.273.126	1.033.273.126
Phải trả khác (Số dư có TK 141)	1.255.056.248	1.366.552.447
Tổng cộng	**3.918.381.694**	**4.101.589.593**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	**48.351.000.000**			**388.301.562**
- Tăng trong năm				**412.971.287**
Trong đó:				
- Tăng vốn trong năm trước				
- Lãi trong năm trước				412.971.287
- Giảm trong năm				
Trong đó:				
- Giảm vốn trong năm trước				
- Lỗ trong năm trước				
Số dư đầu năm nay	**48.351.000.000**			**801.272.849**
- Tăng trong năm				**406.310.868**
Trong đó:				
- Tăng vốn trong năm nay				
- Lãi trong năm nay				406.310.868
- Giảm trong năm				**483.510.000**
Trong đó:				
- Giảm vốn trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				
- Phân phối cổ tức				483.510.000
Số dư cuối năm nay	**48.351.000.000**			**724.073.717**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Vốn góp	48.351.000.000	48.351.000.000
Tổng cộng	**48.351.000.000**	**48.351.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**48.351.000.000**	**48.351.000.000**
+ Vốn góp đầu năm	48.351.000.000	48.351.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	48.351.000.000	48.351.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	483.510.000	

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.835.100	4.835.100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.835.100	4.835.100
+ Cổ phiếu phổ thông	*4.835.100*	*4.835.100*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.835.100	4.835.100
+ Cổ phiếu phổ thông	*4.835.100*	*4.835.100*
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:* 10.000đ/CP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
- Doanh thu bán hàng	33.001.309.872	29.243.069.981
Tổng cộng	**33.001.309.872**	**29.243.069.981**

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
Tổng cộng		

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa đã bán	30.027.640.378	25.457.622.579
Tổng cộng	**30.027.640.378**	**25.457.622.579**

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.245.014	4.629.795
Tổng cộng	**2.245.014**	**4.629.795**

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý tài sản	105.194.803	
- Thu nhập khác	230	2.651.737
Tổng cộng	**105.195.033**	**2.651.737**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

6 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.395.315.251
- Chi phí nhân công	6.871.749.306
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.036.684.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.332.151
- Chi phí khác bằng tiền	9.236.204.217
Tổng cộng	**33.779.285.910**

7 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	114.600.500	103.242.821
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng cộng	**114.600.500**	**103.242.821**

8 . PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRONG NĂM

Lợi nhuận còn lại đầu năm	801.272.849
Lợi nhuận kinh doanh năm 2015	406.310.868
Các khoản phân phối	483.510.000
+ Chia cổ tức	*483.510.000*
Lợi nhuận còn lại	724.073.717

9 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	406.310.868
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*4.835.100*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**84**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có

2 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Không có

3 . ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY

Không có

4 . THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

5 . THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS); Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính để so sánh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Ngọc	Nguyễn Đình Thiện	Trần Đình Thắng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 16551 quyển số 07-SCT/BS
Ngày 12 tháng 07 năm 2017
Tại UBND Phường Nguyễn Thái Bình
KT. CHỦ TỊCH

Lê Thu Huyền